

TP Hồ-Chí-Minh, ngày 19 tháng 4 năm 1991

T U Ô N C - T R I N H

Kính gửi Bà KHUOC-MINH-THO

Kính thưa Bà,

Tôi tên Huỳnh-Quang-Nam, 46 tuổi, sinh năm 1945 tại Gia-Tĩnh, hiện cư-ngụ tại số 325-A, Phan-Văn-Hàn nội dài, P.17 Bình-Phạm TP. Hồ Chí Minh,

Xin kính tường trình:

Nguyên trước đây tôi là sĩ-quan QL-VNCH, cấp bậc Trung-úy, chức vụ Phân-khu-trưởng xã Tân-Phủ, Phong-Thuận, Phong-Dinh, đã học tập cải tạo từ 4-6-1975 đến 31-1-1981, bị bắt tại xã Tân-Nhuận-Tông, quận Đức-Tôn Sa-Téc. Khi ấy tôi về ở tại quê vợ của tôi tại chợ Nha-Lân, rồi bị du-kịch bắt ngày 4-6-1975, giải lên huyện Châu-Phước (Đức-Tôn), rồi nhốt ở đó cùng với anh em cơ quan Chánh quyền xã Tân-Nhuận-Tông.

Lý do bị bắt: tên Phước (tự Phước dầy-diện) tố giác với ủy-ban quân-quan xã tôi là thiếu-úy Nam, trưởng-cuộc CSQG ở Nha-Lân hồi trước (1972) nay về đây không trình-diện.

Kể đó (lúc đầu có xuất trình giấy trình diện tạm của UBQQ Sài-Gen-Gia-Dinh do O. Cao-Tằng-Chiến ký tên), tôi bị giải về xã An-Khánh Túc Tập. Sau giải đi Thành Quân-nhu Sa-Téc, rồi cải-tạo Cao-Lãnh, đến trại cải-tạo Lũng-Biển xã Bình-Hàng-Trung? Thời gian từ 4-6-75 đến 20-8-1978. Sau đó, tiếp tục giải tôi đi từ trại Lũng-Biển của Công-an Phong-Thập đến Trại Z-30-C Hàm-Lân, Thuận-Hải, đóng tại căn-cứ 6 Hùng-La thuộc Bộ Nội-vụ cho đến ngày 31-1-1981 mới được thả về.

Phụ-Bà,

Tôi gốc người ở Sài-Gòn, nhưng cưới vợ và làm việc ở Nha-Lân (xã Tân-Nhuận-Tông) hiện nay vợ và con gái tôi (16 tuổi) vẫn ở tại chợ Nha-Lân, còn tôi thì đi đi về về, sống bằng nghề cấp xích lê mượn ở Sài-Gòn, và lấy địa-chỉ của họ nhốt tôi làm địa-chỉ khai báo thủ-tục hành-chánh với chánh-quyền hiện nay.

Anh vợ tôi là Đông-Văn-Ấy liên-tiếp-trưởng Nhân-dân Tự-vệ, và Đông-Văn-Bé Phó-cuộc CSQG xã Tân-Nhuận-Tông cũng bị bắt, bị học tập cải-tạo lâu mới được thả vì lý do binh nạng?

Nay nhận có người Việt-kiểu về nước, hiểu hoàn-cảnh nghèo-khó túng-thiếu của gia-đình tôi, nên gởi giúp hồ sơ xin ty nạn của tôi đến tay Bà, kính xin Bà thương xét giúp đỡ cho tôi.

Hồ-sơ xin xuất cảnh đi lý của tôi được công-an TP-HCM chuyển ra Hà-Nội, danh-sách số 84 ngày 21-7-1990. Vì nghề không có tiền chạy Dịch-vu nên hồ-sơ vẫn y-nguyên tại đó.

Xin cho tôi gởi lời thăm hỏi đến 2 ông thầy lớn của tôi là Pãi-tà Huỳnh-Ngọc-Diệp nguyên Tỉnh-trưởng Sa-Céc, và Trung-tá là Công-Lũ, Quận-trưởng Đức-Tôn đi đi lý, xin quý vị ấy thương giúp tôi với.

Trân trọng kính chào và chơn-thành cảm ơn Bà.

Nam

Huỳnh-quang-Nam

HOCHIMINH CITY, 19th April, 1991

To : Mr. DIRECTOR of ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
Panjabum Buiding
127 Sathorn Road
BANGKOK 10120, THAILAND

Subject : Request for Immigrant as a person in the
Military and a Customs Officer of the
former Vietnamese Government.

Dear Sir,

I undersigned : HUYNH-QUANG-NAM
Date of birth : 7th Feb. 1945
Place of birth: THANH-MỸ-TRAY, GIA-DINH
Permanent address : 325-A Phan-Van-Hôn Rd., P.17, Bình-Thạnh
TP. HOCHIMINH, VIETNAM.

Religion : Catholic

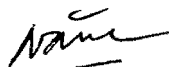
Below is my circumstantial situation :

Name : HUYNH-QUANG-NAM
Serial number: 65/161620
Rank : 1st. Lieutenant
Function : Village Sub. Sector Chief
Unit : Đông-Phủ Village, PhongThuận Dist. PHONG DINH Prov.
Service Record : Phong-Dinh Sector, APO 4460 ARVN
Place of Service : ĐôngPhủ Village, Since 1974 to 1975
Service in ARVN : Since 20th Oct. 1965 to 30th Apr. 1975
Following is my relatives :

Order: N ^o	Name	Date of birth:	Place: of birth:	Relation- ship	Address
1	ĐÔNG-PHI-KẾ	1942	SADÉC	Wife	575-A, TÂN-THUAN hamlet TÂN-NHUẬN-ĐÔNG Village CHAU-THANH, ĐÔNG-THÁP
2	HUYNH-NGOC- PHUONG-Lai	6th JUN 1975	SADÉC	Daughter	-id-

I further understand that making of a false statement will
jeopardize my request.
Your help is highly appreciated.

Yours respectfully,



HUYNH-QUANG-NAM

My relatives lived in
foreign country : None

Thưa Bà.

Tôi thấy hoàn cảnh của ông Năm này quá
khó nên tôi nhân hồ sơ này chuyển đến đến
cho Bà, xin Bà hãy tận tâm giúp đỡ cho
ông ấy được sớm tỉnh chỉ theo
chương trình H.O. Phát ra tôi với ông Năm
này chẳng quen biết gì hết, nếu Bà nhân
được hồ sơ này xin Bà viết cho tôi vài chữ
để nhận được.

Xin thành thật cảm ơn Bà và cầu chúc
Bà cùng gia quyến được an lành và thịnh vượng
Kính.

8-26-91

Văn.

CÔNG AN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Phòng QLNN-XNC

161 Nguyễn Du, Q. 1

Số 10A01791BT

GIẤY BÁO TIN

Phòng Quản Lý Người Nước Ngoài, Xuất Nhập Cảnh Công An Thành Phố
Hồ Chí Minh.

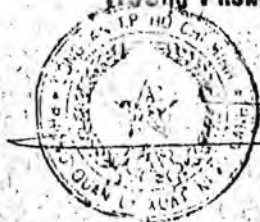
Báo tin Ông, Bà Huỳnh Quang Nam
cư ngụ tại 325A Phạm Văn Hai BT

Hồ Sơ xin Xuất Cảnh đi nước Mỹ 40 hàng Đổi.HN của Ông, Bà
chúng tôi đã hoàn tất thủ tục và đã chuyển sang 483 Nguyễn Thái để xét cấp Thông
Ranh, do danh sách số 84 ngày 21 tháng 7 năm 198 90

Xin báo đề Ông, Bà tiện theo dõi.

Ngày 21 tháng 7 năm 198 90

TL. Giám Đốc CA-TP
Trưởng Phòng QLNN-XNC



Trưởng Phòng

QUESTIONNAIRE FOR O.D.P. APPLICANTS
(CÂU HỎI CHO NGƯỜI HỢP ĐƠN)

To: ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
Panjabum Building
127 Sathorn Tai Road
BANGKOK 10120, THAILAND

A- LÝ LỊCH CÁN-BẢN.

- 1- Họ và tên : HUYNH-QUANG-NAM
- 2- Họ và tên khác : không
- 3- Ngày và nơi sinh : 7-2-1945, GIA-ĐÌNH
- 4- Địa-chỉ thường-trú: 325-A Phan-Van-Hân Rd, P.17, BÌNH-THÀNH
TP Hồ-Chí-Minh, Việt-Nam
- 5- Địa-chỉ thơ-tử : (như trên)
- 6- Nghề-nghiep : Đạp xích-lô

B- BÀ CON CÙNG ĐI VỚI ĐOI

Số thứ	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Tình-trạng	Liên-hệ
			nam	nữ	gia-đình	gia-đình
1	ĐÔNG-THỊ-XE	1942	SAĐÉC	Nữ	(có chồng)	Vợ
2	HUYNH-NGỌC-PHƯƠNG-MAI	6-6-1975	SAĐÉC	Lữ	(còn nhỏ)	Con gái

C- HỌ-HANG Ờ NGOÀI-QUỐC.
(Không có)

D- DANH-SÁCH ĐOÀN-THIỆ GIA-ĐÌNH. (Sống, chết)

- 1- CHA : HUYNH-CÔNG-THO (c)
- 2- ME : TRẦN-THỊ-TÁM (s) Địa-chỉ: 325-A PhanVanHân Rd P17 BìnhThành HCM
- 3- VỢ : ĐÔNG-THỊ-XE (s) : 575-A ấp TânThuận TânNhươngĐông
ChâuThành ĐôngTháp ViệtNam
- 4- CON (HUYNH-NGỌC-PHƯƠNG-MAI (s) (như trên)
- 5- ANH CHỊ EM RUOT :
 - HUYNH-QUANG-PIEN, anh (s)
 - HUYNH-KIM-ANH, chị (s)
 - HUYNH-QUANG-SÁU, em (s)
 - HUYNH-QUANG-LINH, em (s)
 - HUYNH-QUANG-HIỆN, em (s)
 - HUYNH-KIM-LIÊN, em gái(s)

E- BẠN HOẶC VỢ CHỒNG ĐÃ LÀM VIỆC CHO CÔNG-SỞ CỦA CHÍNH PHỦ MỸ
(Không có) **HOẶC HANG MỸ**

F- BẠN HOẶC VỢ CHỒNG ĐÃ CÔNG-VỤ VỚI CHÍNH PHỦ VIỆT NAM

- 1- Họ tên người tham-gia: HUYNH-QUANG-NAM, Số quân: 65/161620
- 2- Ngày tháng năm, từ 20-10-1965 đến 30-4-1975
- 3- Cấp bậc cuối cùng: Trung-uy
- 4- Bộ, Sở, đơn-vị, binh-chúng: Địa-phương-quân
- 5- Họ tên người giám-thị: Thiếu-tá ĐƯƠNG-VĂN-THẢO KBC 4460
- 6- Lý do ra đi: xin tị nạn

G- BẠN HOẶC VỢ CHỒNG ĐÃ HOÀN LUYỆN Ờ NGOÀI QUỐC
(không có)

H- BẠN HOẶC VỢ CHỒNG ĐÃ HỌC TẬP CẢI TẠO

- 1- Họ và tên người đi học tập cải tạo: HUYNH-QUANG-NAM
- 2- Tổng cộng thời gian đi HTCT: 6 năm (từ 4-6-1975 đến 31-1-1981)
- 3- Vẫn còn đi HTCT: cả vớ

I- CƯỚC CHÚ PHỤ THUỘC.

- Phục-vụ trong ngành: Địa-phương-quân, liên-tục từ 20 tháng 10-1965 đến 30-4-1975
- Cấp bậc cuối cùng : Trung-úy

Yêu-cầu quý cơ-quan thông báo khi nhận hồ sơ ngay về địa-chỉ:

HUYNH-QUANG-NAM

325-A, Phan-Văn-Hân Hđ,

P.17, Bình-Thạnh

TP. Hồ Chí Minh, Việt-Nam.

TP Hồ Chí Minh, ngày 19-4-1991
Người xin,



HUYNH-QUANG-NAM

SERVICE AND FUNCTION RECORD

Full name : HUYNH QUANG HANH Alias : None
Date of birth : 7-2-1945
Place of birth : THANH-LY-PAY, GIA-DINH Province
Last Rank in R.V.N.A.F : 1st Lieutenant Serial number: 65/161.6
Last Function : Village Sub-Sector Chief
Last Unit : Dong Phu Village, Phong Thuon District,
Phong Dinh Province (4th Corps)

Date joined in Army : 20-10-1965
Highest Commander : Colonel HUYNH NGOC-DIEP
Sector Commander acting Province Chief,
Direct Commander : Major DUONG-VAN-THAO
Sub-sector Commander acting District Chief
APO : KBC 4460

After 30th April 1975

Present, by order of the Government of revolutionary
Provisional Republic South Viet-Nam, be captured on 4th June 1975.
Was been in Re-Education Camp from 4th June 1975 to 1981.
Released from HAI-TAI Camp (Thuan Hai Province) on 31st January 1981.
Permanent Address : 325-A Phan Van Han Street, 17th Hamlet,
Binh-Phan District, Ho-Chi-Minh City (South
Viet-Nam).

Profession : Unemployment, to ride cycle for rent.

SERVICE AND FUNCTION (briefly)

20th October 1965 : Voluntarily registered in Army Republic of Viet
Nam commissioned officer, Interpreter.

November 1965 : Trained in Quang-Trung Training Center.

December 1965 : Promoted as Sergeant Interpreter.

December - January 1966 : Attended Interpreter Course at ARMED FOR
LANGUAGE SCHOOL APO : 3095

Located in Joint General Staff

School Senior Advisor : Major HUNTER

Last January 1966 : Graduated from 28/65 Interpreter Course.

Gained Interpreter Degree, Seal and Signed by Major PHAN THONG TRA
Director of ABIS - APO : 3095.

February 1966 : Assigned to 18th Brigade Engineer Construction-APO
S.F 96....

Commanding General : General PLOGER.

Report for duty : at 937th Engineer Construction Group (Combat),
Qui-Nhon Province (2nd Corps) APO:S.F 96...

- Commanding Officer : Colonel BRANDT, next Colonel WATKIN.
- Executive Officer : Lieutenant Colonel SELEG0.
- Sergeant Major : BUTON.
- Adjutant : Captain KUPISZEWSKY (KUPP) .
- Chaplain : Major PULLEY.
- Liaison Officer : Major CAREY .

Second semester 1966 - 1967 : Transferred to LONG-BINH Base (3rd C
Report for duty : at 159th Engineer Construction Group (Combat),
LONG-BINH Base, BIEN-HOA Province.

- C.O : Col. HENRY HOTTENROTH, next Col. McCONNELL
- X.O : Lt. Col. SHURT, next Lt. Col. AUBREY.
- S. Maj. : PIERCE, next AVERY.
- Adj. : Maj. CONLEY.

- 2 -

- Chapl. : Maj. GRAY.
- Personnel : Lt. FLOURNOY.
- S.2 : SFC LAWRENCE.
- S.3 OFFICER : Maj. SHELLENBAUM.
- S.3 S. Maj. : NELLI.
- S.3 NCO : Sgts. OBER, KEFAUVER, WASSON - APO. S.F. 96...

June 1967: Transferred to 3rd Corps Prisoner of War Camp, TAN-HIEP, BIEN-HOA, report for duty.

- C.O. Camp: Captain HOAN-DUC-HAI
- X.O. Camp: Capt. HOANG-THUY-LONG.
- Senior Adviser : Capt. GORA ELLSWORTH (Military Police)
- N.C.O. Adviser : Sgt. CHASE (M.P.)

1968 : Transferred to Advisory Group 91st located at BINH-DUONG Province and Sector (3rd Corps) - APO 4825. .

Report for duty :

- PHU-HOA District (PHU-HOA-DONG Village)
- District Chief : Maj. CAO-MINH-DIEN
- District Senior Adviser : Maj. HENRY A. HOUGH.
- District Deputy Senior Adviser : Capt. TILLIT.

After TET MAU-PHAN (Viet-Cong General Offensive)

- District Chief : Lt. Col. LUANG-VAN-BE.
- D.S.A. : Capt. CROKER (killed in action).
- : Maj. GREEN (assigned for duty).

Transferred to LAI-THIEU District, report for duty.

- District Chief : Maj. NGUYEN-THANH-NHAN.
- D.S.A. (Maj. STALLARD (wounded in action)
- (S.2 Adviser: Lt. WULFERT (killed in action)
- (Maj. GREEN (assigned for duty).
- Deputy D.S.A. : Capt. COWLEY; next Capt. COLEMAN.
- (Maj. NHAN, D.C., killed in action)
- Maj. NGUYEN-VAN-CUA, assigned District Chief.
- Capt. NGUYEN-VAN-AN, Deputy D.C. (Security)
- Mister PHAM-HUU-TO, Deputy D.C. (Administration)

1969 : Transferred to 166th Regional Forces Company (ARVN) by service needed to work with US Mobile Adviser Team 1 (M.A.T. III-1) located at KE-CAM outpost (PHU-GIAO District, BINH-DUONG Province)

- U.S. Team Leader : 1st Lt. BETTIS.
- Transferred to M.A.T. III-2 (909th R.F. Co.--ARVN) located at BINH-NHAM Village, LAI-THIEU District
- US. Team Leader: Capt. SALLMAN (killed in action)
- Next Team Leader : 1st Lt. LOBECK.

OFFICER FUNCTION.

25th Oct. 1969 : Transferred to PHU-DUC Infantry School Officer Candidate School (Infantry) APO 4600, 3rd Corp

11th Apr. 1970 : Graduated from PHU-DUC O.C.S., promoted as Chief Warrant Officer (W.O.)

Gained : Basic Infantry Officer Degree sealed and signed by Major General PHAM-QUOC-THUAN, Director of PHU-DUC O.C.S.

- Transferred to IV Corps, report for duty at PHONG-DIEN Sector, APO 4460, assigned to 407th Regional Forces Battalion (Mobile), service to 407/1 R.F. Co., function : Platoon-Leader.
- Promoted as 2nd Lieutenant on 11th Oct. 1971, function : Executive Co. Cndr. 407/3 R.F.Co.

Special Detachment to National Police Forces

18th June 1971 : Wounded in battle, evacuated to PHAM-THANH-GIAN Military Hospital, CAN-THO Province. Recovered and sent back to Parent Unit.

1972 : Assigned to 4th Region National Police Command.

In May 1972 : Graduated from 6th Course of Village National Police Chief Report for duty at Sadec Province National Police Command

Function : Chief of National Police Agency, PAN-PHUAN-BONG
Đức-Tôn District village
SA-ĐỨC Province

1973 : Assigned back to PHONG-DINH Sector

Report for duty at 475th Regional Forces Battalion (Mobile)

Function : 475/4 R.F.Co. Company Commander.

1974 : Attended Village Sub. Sector Commander, 2nd Course, at CHI-LANG
Training Center, CHAU-ĐỐC Province.

Graduated and assigned to PHONG-PHU Village, PHONG-PHUAN
District, PHONG-DINH Province.

Function : Village Sub. Sector Commander.

Acting : Deputy Village Chief Security, Commander
People Self Defense Forces (P.S.D.F.) and Popular
Forces (P.F.).

Promoted as 1st Lieutenant in March 1975.

Stayed in Unit until 30th April and May 2nd 1975.

Captured on 4th June 1975 at PAN-PHUAN-BONG Village
Đức-Tôn District, SA-ĐỨC Province.

BC NỘI VỤ
Trại : Hàm Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ nội vụ
Thi hành quyết định tha số 03/QĐ ngày 18/01/1981 của
Bộ nội vụ
Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây

Họ, tên khai sinh : HUỖNH QUANG NAM
Họ, tên thường gọi :
Họ, tên bí danh :
Sinh năm : 1945
Nơi sinh : Gia đình
Trú quán : 325A Đường Tôn Thọ Tường - Quận Bình Thạnh - t/p
Hồ Chí Minh
Can tội : Trung úy - Phân chi khu trưởng
Bị bắt ngày : 4/6/1975
Án phạt : TTCT
Nay về cư trú tại : (không được cư trú trong thành phố, các nơi khác
do chính quyền địa phương quy định)

NHAN XÉT QUA TRÌNH CẢI TẠO

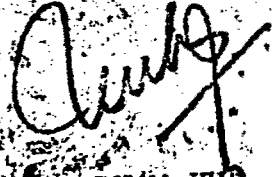
Tư tưởng : Trong cải tạo chưa có biểu hiện gì xấu tin tưởng vào
chính sách khoan hồng của cách mạng
Lao động : Đảm bảo ngày công hoàn thành công việc với mức trung
bình.
Nội quy : Chấp hành nội quy không có gì sai phạm
Học tập : Tham gia học tập đều nhận thức được bài .

(quản chế 12 tháng)

Lên tay ngón trỏ phải : Họ, tên chữ ký của người /) / ngày 31 tháng 1 năm 1981
của : HUỖNH QUANG NAM được cấp giấy

GIÁM THỊ


Huỳnh Quang Nam


Thiếu tá : PHẠM HUY

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ỦY BAN QUẢN LÝ THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tự Do, Hạnh Phúc

Số: 611/

Bình Thạnh, ngày 10 tháng 11 năm 1962

CHỦ TỊCH - ĐOÀN
VĂN PHỤC HỒI QUYỀN CÔNG DÂN

*/. ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

- Căn cứ luật tổ chức Hội đồng Nhân Dân và Ủy Ban Hành Chánh các cấp ngày 27 tháng 10 năm 1962.

- Căn cứ danh sách 12 tên của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam và quyết định số 15 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh quy định tại chính sách đối với những người làm việc trong Quân Giải Phóng và các tổ chức chính trị của chế độ cũ.

- Căn cứ vào luật 175 về việc quản chế

Theo đề nghị của Hội đồng xét phục hội quyền công dân Phường 1 Quận Bình Thạnh.

QUYẾT ĐỊNH

* Điều 1: Phục hồi quyền công dân cho Nguyễn Văn Bình
Ngày sinh 15/11/1925
Hiện tại 321 Đường Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

* Điều 2: Ông Nguyễn Văn Bình được hưởng quyền công dân từ ngày 10/11/1962

* Điều 3: Các ông Nguyễn Văn Bình và Nguyễn Văn Bình Ủy Ban Quản Lý Thành Phố Hồ Chí Minh, Ủy Ban Nhân Dân Quận Bình Thạnh và Ủy Ban Nhân Dân Phường 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này.

ỦY BAN QUẢN LÝ THÀNH



Nguyễn Văn Bình

Lục sao y theo bản chính đã tại phòng
Lục sự Tòa Hòa giải Saigon

Số 915 Ngày 25 tháng 10 năm 1947

GIẤY THẺ VỊ KHAI SANH CỘNG HÒA QUANG NAM

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi bảy và ngày hai mươi
lăm tháng mười, hồi 9 giờ ;

Trước mặt chúng tôi là J. LAUTRET, quyền Chánh Án Tòa
Hòa giải Saigon, tại văn phòng chúng tôi, 113 đại lộ Charner,
có Lục sự TRAN QUANG NHIÊN và thông ngôn hữu thệ tiếng Việt Trần
Văn Tài phụ tá ;

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

- 1) O. THƯƠNG VAN THUAN, 27 tuổi, binh nhất tại căn cứ
quân sự Saigon, số quân 34.744, căn cước cấp ngày 7-3-1947 do
Quân vụ thị trấn trên Saigon ;
- 2) O. NGUYEN VAN TUONG, 51 tuổi, hạ sĩ nhất tại căn cứ
cứ quân sự Saigon, số quân 4528, căn cước cấp ngày 7-3-1-46
do Tiểu đoàn 2 của Quân vụ thị trấn Saigon ;
- 3) O. PHAM VAN HUYEN, 39 tuổi, hạ sĩ nhất tại căn cứ
quân sự Saigon, số nhập ngũ 10.652 (trích lục sổ tùy thân) ;
- 4) O. NGUYEN VAN THOM, 39 tuổi, binh nhất tại căn cứ
quân sự Saigon, số quân 1864, căn cước cấp ngày 7-3-1946 do
Tiểu đoàn 2 Quân vụ Thị trấn Saigon ;

Những nhân chứng này, để tỏ tôn trọng sự thật, đã
tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc :

Cộng HUYỀN QUANG NAM

và biết y sanh ngày mồng 7 tháng 02 năm 1945 tại Thanh Mỹ Tây
(Gia Định) con của O. HUYỀN CONG THO và bà TRẦN THỊ TÀI.

Vì duyên cớ mà y không thể xin sao lục khai sanh
được là vì sổ hộ tịch của xã Thanh Mỹ Tây đã bị tiêu hủy chiến
theo do các biến cố vừa qua, chiếu theo thư ngày 11-1-1-46 của

• Ông Tỉnh Trưởng Gia Định.

Các nhân chứng đã xác nhận như trên đây nên tôi
phát giấy thế vì khai sanh này cho cậu HUYNH QUANG NAM để nạp
hồ sơ học-sinh quân nhân của cha y, chiếu theo các điều 90 đoạn
2 Sắc lệnh ngày 16 tháng 2 năm 1921 và điều 5 nghị định ngày
13 tháng 3 năm 1936 .

Và các nhân chứng có ký tên với chúng tôi, Lục sự
và thông ngôn sau khi đọc và dịch lại .

Ký tên : J. LAUTRET TRAN QUANG NHIEU TRAN VAN TAI
TRUONG VAN THUAN NGUYEN VAN TUONG PHAM VAN HUYEN NGUYEN
VAN THOM .

Bên lễ có ghi :

Đóng bích phân tại phòng Ba Saigon

Ngày 28 tháng 10 năm 1947

Từ 100 ngàn 9

Thâu : hai chục đồng

Ký tên : không rõ

DỊCH Y THEO BẢN CHÍNH

Thông dịch viên huũ thệ

Chúng cho hợp pháp chữ ký tên trên đây
của O. Tống ngọc Phách, Thông dịch viên huũ thệ
tại Tòa Hòa giải Saigon

SAIGON ngày 11 tháng 1 năm 1963

CHÁNH AN



HA-NHU-V

NAM-VIỆT

QUỐC-GIA VIỆT-NAM

TỈNH Sa-Déc

QUẬN Dân-Tôn

XÃ Tân-nhuận-dông

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT-NAM

BẢN TRÍCH LỤC BỘ HÔN-THỦ NĂM 1974 BỤC 1

XÃ Tân-nhuận-dông TỈNH Sa-Déc (NAM-VIỆT)

NĂM 1974 SỐ HIỆU 23

Tên họ người chồng	Huyh-Quang-Nhan
Sanh tại chỗ nào	Thanh Mỹ Tây (Gia Định)
Sanh ngày nào	Ngày 07-02-1945
Tên họ cha chồng	Huyh-Công-Thư (56 tuổi)
Tên họ mẹ chồng	Trần-thị-Tam (55 tuổi)
Tên họ người vợ	Đông-thị-Xô
Vợ chánh hay thứ	Vợ Chánh
Sanh tại chỗ nào	Xã Tân-nhuận-dông
Sanh ngày nào	Năm 1942
Tên họ cha vợ	Đông-văn-Việt (chết)
Tên họ mẹ vợ	Nguyễn-thị-Hai (75 tuổi)
Ngày kết hôn	Ngày hai mươi tám, tháng tám, năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn

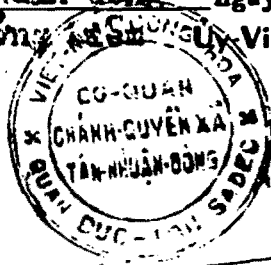
MIỄN THI-THỰC

TRÍCH Y BỐN CHÁNH

Đã ghi: 1564300/ĐNV/HC/23 Tân-nhuận-dông ngày 04 tháng 09 năm 1974

Đã ghi: 1564300/ĐNV/HC/23

Xã Trưởng-tam Ủy-Viên Hộ-Tịch.



Bùi-tri-Nhan

INH Sađiú
QUAN Đuítôn
XA Tân Nhuận Đông

CHỨNG CHỈ SỐNG CHUNG

XÃ TRƯỞNG XÃ Tân Nhuận Đông

CHỨNG NHẬN

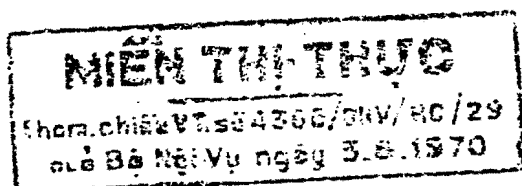
SỐ 373/cax Ông Huỳnh Quang Năm căn cước số 02918075
cấp tại Bà Rịa ngày 09-10-1969
Nghề nghiệp Quản nhân sinh ngày 07-02-1945
và vợ là Bà Đông Thị Xê sinh ngày 1942
Tại xã Tân Nhuận Đông do hôn thú số 23
lập ngày 28-08-1974 tại xã Tân Nhuận Đông

Cùng các con kê sau

- 1- _____ sinh ngày _____
tại _____ do giấy khai sinh số _____
- 2- _____ sinh ngày _____
tại _____ do giấy khai sinh số _____
- 3- _____ sinh ngày _____
tại _____ do giấy khai sinh số _____
- 4- _____ sinh ngày _____
tại _____ do giấy khai sinh số _____
- 5- _____ sinh ngày _____
tại _____ do giấy khai sinh số _____
- 6- _____ sinh ngày _____
tại _____ do giấy khai sinh số _____
- 7- _____ sinh ngày _____
tại _____ do giấy khai sinh số _____

Hiện nay sống chung với nhau tại địa chỉ sau đây

Tân Nhuận Đông ngày 23-09-1974



Đuítôn

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường Bân-nhuân-Đông
Huyện, Quận Châu-Đánh
Tỉnh, Thành phố Đông-Bạc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT

Số 142

Quyển 02



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Huỳnh-Ngọc Phương-Mai Nam hay nữ nữ
Ngày, tháng, năm sinh sáu, tháng sáu, một ngàn chín trăm bảy
mười lăm (06-06-1975)
Nơi sinh Bệnh-viện Chi-xã Sa-Đéc, Đông-Bạc
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt-Nam

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Đông-xi-Xê</u>	<u>Huỳnh-quang-Khẩn</u>
Tuổi	<u>1942</u>	<u>1945</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt-Nam</u>	<u>Việt-Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Thợ mộc</u>
Nơi thường trú	<u>Ấp Bân-Bhưn</u> <u>Xã Bân-nhuân-Đông</u>	<u>Phường 17, Quận Bình Thạnh</u> <u>Thị-phố Hồ-Chí-Minh</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Đông-xi-Xê - Sinh năm 1942, Ấp Bân-Bhưn, xã Bân-nhuân-
Đông, Huyện Châu-Đánh, Tỉnh Đông-Tháp - Giấy CMND số 340387836

Đăng ký ngày 27 tháng 06 năm 1987

Người đứng khai

Xê

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN xã

phó chủ tịch
Đã ký đóng dấu
Trần Văn Khắc

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 24 tháng 03 năm 1989

T/M UBND xã

Trần, động, dấu KT chủ tịch
ỦY VIÊN THỦ KÝ



Trần Văn Khắc

HỘ TỊCH

NHÂN DẠNG

Sinh ngày 07-2-45 Tại Thanh-Mỹ-Tay
 Tổng Phủ, Huyện
 Tên Gia-Dinh
 Nghề nghiệp Học-Sinh
 Có của Ông Huynh Cong-THC Ba Tran Thi Tam
 Hiện ở Thanh Mỹ Tay Tổng Go-Vap
 Huyện, Phủ Tỉnh Gia-Dinh
 Kết hôn nay với Co
 Ở tại Phủ, Huyện
 Đông Tỉnh
 Giấy phép của

Tóc

Mắt

Trán

Mũi

Mặt

Hình c o 1 thước pb

Dấu tích riêng biệt

Quốc-tịch

V/N.

Nhà ở giữ vào Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa trong thời hạn

02

năm

Kể từ ngày 20-10-65

Nguyên trước ở

Với tư cách Tỉnh nguyên

Và giữ cấp bậc

CÔNG VỤ LIÊN TIẾP

- Tỉnh nguyên đầu quân thời hạn 02 năm kể từ ngày 20-10-65 tại ĐV3/QTDP/ (TDV) với cấp bậc Trung-Sĩ do QĐ số 13906/TTM/TQT/ĐHQN/2 ngày 15-7 66. Khế ước xác nhận bởi số HCTC số 6 dưới số thư tự 20523 ngày 17-8-66.
- Thuyên chuyển sang ĐĐ.THD/BCH.2TV toán I8 Công-Binh Hoa-Kỹ tại Qui-Nhơn k/t ngày 18-1-66 do LTC số 0626/TTM/TQT/QN/BTT2/C ngày 31-1-66 của Bộ TTM/QL.VNCH
- Thuyên chuyển về ĐĐTHD/QĐ3 k/t ngày 01-5-66 do LTC số 2182/TTM/TQT/TDV, ngày 23-4-66 của Bộ TTM.
- Thuyên chuyển đến ĐĐ THD/SD5 k/t ngày 1-8-67 do LTC số 5729/TM/QĐ3/TQT/NV3 ngày 01-8-67. Xóa tên trong sổ kiểm tra của Đơn-Vị ngày 01-8 1967.
- Thuyên chuyển đi Tiểu-Khu/Binh-Dương k/t ngày 1-11-67 do LTC số 11252/SD 5/K.32CT/TQT ngày 06-11-1967. Thuộc Chi-Khu/Lai-Thieu T/C đến Chi-Khu/Phủ-Hóa hoàn chuyển k/t ngày 12-7-68 do LTC số 16025/BD/I ngày 12-7-68.
- Thuyên chuyển đến CK/Lai-Thieu công vụ k/t ngày ký LTC số 11539/BD/HCTV/ QTNV ngày 21-9-68.
- Thăng cấp Trung-Sĩ I k/t ngày 26-10-68 do QĐ số 3585/TM/V3CT/TQT/NSV/2 ngày 8-4-69.
- Thuyên chuyển đến toán MAT III-I Phủ-Hóa, công vụ k/t ngày ký LTC số 9553/BD/4CTV/QTNV ngày 10-7-69.
- Thuyên chuyển đến Trưởng BB/Thu-Đức (THS-Thủ-Huân) hiệu lực k/t ngày ký do LTC số 16377-BD/HCTV/QTNV ngày 28-10-69. để theo học Khóa 5/69 SVSQ/TB.
- Được trung tuyển kỳ thi mãn khóa đoàn 2 Ngành BB và được thuyên chuyển đến DTQXD của BTL/V4CT. công vụ k/t ngày 11-4-70 do LTC số 3492/TBB/TM/NV/KS/LTC ngày 1-4-70 của Trưởng BB. Xóa tên trong sổ kiểm danh khóa 5/69 SVSQ/TB k/t ngày trên.
- Thuyên chuyển đến Tiểu-Khu/PD. công vụ k/t ngày 01-5-70 do LTC số 3820/QDIV/V4CT/TQT/NV/SQ ngày 16/6/70 của BTL/Vùng 4/CT.

CÔNG VỤ LIÊN TIẾP

Xóa tên trong sổ kiểm danh Đơn-Vị cùng ngày
THAM CHIẾU: SVVT số 836/TTM/P. 213/K. ngày 14-3
 BTM. và danh sách số 7947/TKPD/T
 QTNV/DH ngày 24-9-70 của TKPD. Hồ
 của các quân nhân thuộc TD.407/DPQ
 TT/OTTV/PD được chuyển giao cho TD.407/DPQ
 quân thủ k/t ngày 01-10-70

- 15-II-70 Được đề cử giữ chức vụ Trung-Đội Trưởng Trung-Đội I/thuộc ĐD.407/3 do BN SVVT số 743/TD.407/DP/QTNV/SVVT ngày 15-II-70 của Tiểu-Tá Tiểu-Đoàn Trưởng Tiểu-Đoàn 407/DP
- 19-6-71 Tham dự hành-quân bị thương nhẹ nhập viện QYV/PTG/CT do M44 số 1075/TD.407/DP/QTNV/DH ngày 19-6-71.
- 22-6-71 Xuất viện trở về Đơn-Vị gốc để phục vụ do PXV số 4707 của QYV/PTG/CT ngày 22-6-71
- Hiện phục vụ Tiểu-Đoàn 407/ĐP(ĐD.407/3) chức vụ TĐT/TR-Đội I/407/3 Địa-Phương.

CHIẾN DỊCH

Từ Đến
 Từ Đến
 Từ Đến
 Từ Đến

BIỂU CHƯƠNG

THƯƠNG TÍCH

HUY CHƯƠNG

OI-CDBT niên hiệu 60 do QĐ số 662I/BD/
 HCTV/QTNV ngày 14-6-68.
 OI-Tương-Lực cấp IĐ do CL số 007/TK/
 BD/CL/TL ngày 15-01-69.

Tại KBC.7054

ngày 20/7/

197 I

KIỆN THI

Trung-Uy NGUYỄN THANH ĐỨC
 Sĩ-Quan Quân-Trị N.V.

Dai-Uy NGUYỄN VĂN CHÁT
 Tiểu-Đoàn Trưởng Tiểu-Đoàn 407/ĐP.

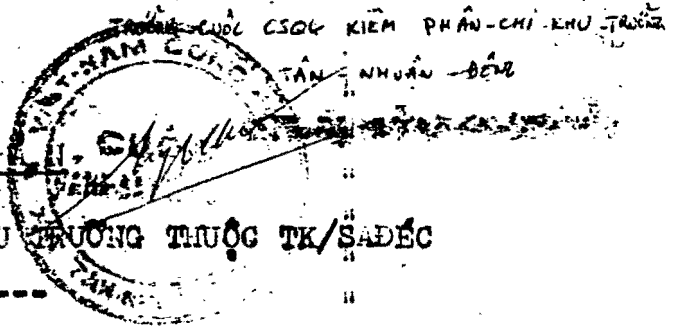
Chát

Đức

PHỤ - B

LIÊN SÁCH 35 PHÂN CHI KHU TRƯỞNG THUỘC TK/SAĐÉC

---00000---



SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	NGẠCH TRẮT	CHỨC VỤ
a. - Chi-Khu/Đức-Thịnh				
1	Trần-Công-Hải	26.06.47	Th/Ủy CLQ	Phân Chi-Khu Trưởng Tân-Xuân.
2	Phan-Văn-Dứt	01.01.49	"	An-Tịch
3	Phạm-Hữu-Dẹp	29.9.48	"	Tân-hiệp
4	Huỳnh-văn-Hải	02.01.45	Th/Ủy C.Sát	Bình-Tiến
5	Nguyễn-Thức-Phương	26.01.47	Th/Ủy CLQ	Tân Phú Tr...
6	Lý Văn-Bá	12.02.31	Th/Ủy C.Sát	Hòa Thành
7	Trương-Hữu-Phước	17.07.47	Ch/Ủy CLQ	Tân-Dương
8	Vương-Công-Nghiep	05.06.47	Th/Ủy CLQ	Tân-Khánh
9	Trần-văn-Huệ	10.12.48	"	Tân-Đông
10	Nguyễn-Thành-Nhon	06.12.29	Th/Ủy C.Sát	Tân Khánh
11	Nguyễn-Văn-Truyền	20.09.48	Th/Ủy CLQ	Tân-An-Tru...
12	Lăng-Văn-Khiêm	17.03.49	"	Tân-Mỹ
b. - Chi-Khu/Đức-Tôn				
1	Trần-Ngọc-Diễm	05.02.44	Th/Ủy C.Sát	Phú-Hu
2	Ngô-Minh-Thành	03.03.47	Th/Ủy CLQ	An-Thôn
3	Huỳnh-quang-Văn	07.02.45	"	Tân-Như Đông
4	Vũ Văn-Chương	01.07.47	"	Hòa-Th...
6	Trần-Văn-Giàu	13.02.47	Th/Ủy CLQ	Phân CKT An-Phú...
7	Phan-Đức-Bảo	15.03.47	"	Phú-Long
c. - Chi-Khu/Đức-Thành				
1	Trương-Văn-Nhã	1941	Th/Ủy C.Sát	Hòa-Long
2	Nguyễn-Văn-Ký	1937	"	Phong-Hòa
3	Đoàn-Văn-Thiệt	10.07.46	"	Long-Hu
4	Trần-Văn-Non	1947	Th/Ủy CLQ	Tân-Thành
6	Trần-Ngọc-Châu	18.12.44	Th/Ủy C.Sát	Tân-Hòa-Bình
7	Phan-Văn-Triệu	29.12.46	Th/Ủy CLQ	Vinh-Thới
8	Đàm-Minh-Ngọc	12.09.47	"	Long-Thắng
9	Nguyễn-Văn-Dang	1934	Th/Ủy C.Sát	Tân-Phước
d. - Chi-Khu/Lào-Vô				
1	Lê-Thành-Minh	15.02.48	Th/Ủy CLQ	Định-Yên
2	Đinh-Văn-Be	30.01.48	"	Bình-Thành-Tru...
3	Đường-Minh-Hoshi-Hồng	25.08.43	Th/Ủy CLQ	Mỹ An-Hung
4	Nguyễn-Văn-Thanh	23.04.47	Th/Ủy CLQ	Long-Hung
6	Huỳnh-Hồng-Lý	04.09.42	Th/Ủy C.Sát	Vinh-Thạnh
7	Đo-Duy-Tân	1944	Th/Ủy CLQ	Hội-An-Đông
8	Ta-Duy-Vinh	26.08.50	"	Bình-ThạnhĐông
		10.09.38	"	Bình-Thạnh-Tây

KBC 3635 22/12/72

From: LY VAN

~~~~~

To: NGUYEN THI MINH PHUONG

ARLINGTON VA. 22043.